

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

HỌC PHẦN: **Giáo Dục Thể Chất 2** Số Tín chỉ: **1** LỚP: **14CD-ĐT2**
HỌC KỲ: **II** NĂM HỌC: **2014 - 2015**

TT	MSSV	Họ tên sinh viên		Điểm bảo lưu	LBT1	THL1	LBT2	THL2	LBT3	THL3	GHP	THI CHÍNH	Điểm HP
					20%						30%	50%	
1	14D3010014	Phạm Tiến	Anh		7	7					8	7	7.3
2	14D3010121	Lê Thanh	Cánh		10	10					10	9	9.5
3	14D3010018	Đinh Văn	Cường		7	8					7	7	7.1
4	14D3010019	Trịnh Mạnh	Cường		6	8					6	7	6.7
5	14D3010021	Nguyễn Thanh	Dư		8	8					8	7	7.5
6	14D3010116	Nguyễn Bình	Dương		9	10					8	8	8.3
7	14D3010024	Nguyễn Bảo	Duy		0	0					0	0	0.0
8	14D3010025	Trần Nguyễn Phương	Duy		9	9					8	8	8.2
9	14D3010027	Nguyễn Tấn	Đạt		8	9					9	8	8.4
10	14D3010030	Nguyễn Văn	Giàu		10	10					10	9	9.5
11	14D3010031	Lê Văn	Giỏi		10	8					10	8	8.8
12	14D3010033	Đặng Viết	Hân		8	6					7	9	8.0
13	14D3010036	Huỳnh Tấn	Hiệp		0	0					0	0	0.0
14	14D3010037	Lưu Văn	Hiếu		7	9					7	9	8.2
15	14D3010110	Nguyễn Hữu	Huy		9	8					9	6	7.4
16	14D3010119	Võ	Khánh		9	9					9	8	8.5
17	14D3010043	Nguyễn Đình Duy	Khương		7	6					7	6	6.4
18	14D3010045	Võ Đình Trung	Kiên		10	10					10	5	7.5
19	14D3010046	Nguyễn Chí	Kiệt		8	10					10	8	8.8
20	14D3010048	Đặng Hồng	Lâm		8	9					7	9	8.3
21	14D3010049	Nguyễn Thiệu	Lâm		0	0					0	0	0.0
22	14D3010051	Lương Quốc	Lộc		8	8					8	6	7.0
23	14D3010055	Chương Hoàng	Minh		8	9					10	5	7.2
24	14D3010057	Trần Thanh	Minh		8	9					8	8	8.1
25	14D3010060	Trần Trương	Ngọc		7	6					9	8	8.0
26	14D3010061	Trần Văn	Ngự		0	0					0	0	0.0
27	14D3010066	Đặng Minh	Nhật		7	9					8	5	6.5
28	14D3010067	Nguyễn	Phát		7	9					7	8	7.7
29	14D3010069	Hồ Duy	Phước		7	9					8	7	7.5
30	14D3010072	Đoàn Việt	Quang		7	8					9	10	9.2
31	14D3010073	Hà Cao	Quyển		7	7					7	5	6.0
32	14D3010075	Nguyễn Thanh	Sang		8	8					10	8	8.6
33	14D3010078	Huỳnh Thế	Sơn		10	9					10	8	8.9
34	14D3010079	Nguyễn Ngọc	Tâm		8	10					8	9	8.7
35	14D3010081	Nguyễn Hoàng	Thắng		10	8					10	0	4.8
36	14D3010082	Dương Văn	Thanh		9	10					8	8	8.3
37	14D3010084	Nguyễn Trung	Thành		10	10					8	9	8.9
38	14D3010085	Nguyễn Đình	Thịnh		9	8					9	6	7.4
39	14D3010087	Đinh Văn	Thương		8	8					9	8	8.3
40	14D3010089	Nguyễn Minh	Thương		7	7					6	8	7.2
41	14D3010090	Huỳnh Trung	Tiến		9	8					6	10	8.5
42	14D3010091	Nguyễn Văn	Tiến		0	0					0	0	0.0
43	14D3010112	Dương Văn	Tín		8	10					8	9	8.7
44	14D3010093	Cao Minh	Toàn		8	8					8	9	8.5
45	14D3010096	Ngô Minh	Trí		10	10					9	10	9.7
46	14D3010097	Phạm Văn	Trị		9	9					8	7	7.7
47	14D3010098	Phan Minh	Trí		0	0					0	0	0.0
48	14D3010099	Hà Văn	Trực		8	9					7	5	6.3

TT	MSSV	Họ tên sinh viên	Điểm bảo lưu	LBT1	THL1	LBT2	THL2	LBT3	THL3	GHP	THI CHÍNH	Điểm HP
				20%						30%	50%	
49	14D3010101	Nguyễn Thanh	Truyền	0	0					0	0	0.0
50	14D3010102	Nguyễn	Tú	9	9					10	9	9.3
51	14D3010103	Phạm Ngọc	Tú	0	0					0	0	0.0
52	14D3010105	Huỳnh Anh	Tuấn	8	6					8	10	8.8
53	14D3010120	Lê Văn	Tuấn	9	10					7	8	8.0
54	14D3010107	Nguyễn Văn	Tuấn	9	9					9	8	8.5
55	14D3010108	Nguyễn Thanh	Tùng	7	9					8	6	7.0

Yêu cầu : Khoa niêm yết cho sinh viên, lưu Giáo vụ Khoa và nộp bản chính cho Phòng TS - Đào tạo - GTVL.

Tổng danh sách có : 55 SV

Tổng số SV có điểm Giỏi từ 8,5 đ đến 10 đ	: 18 SV	(32.73%)	
Tổng số SV có điểm Khá từ 7 đ đến <8,5 đ	: 23 SV	(41.82%)	Tổng số SV có điểm ≥ 4 đ : 47 SV (85.45%)
Tổng số SV có điểm Trung bình từ 5,5 đ đến <7 đ	: 5 SV	(9.09%)	
Tổng số SV có điểm Trung bình yếu từ 4 đ đến <5,5 đ	: 1 SV	(1.82%)	
Tổng số SV có điểm kém <4 đ	: 8 SV	(14.55%)	Tổng số SV có điểm < 4 đ : 8 SV (14.55%)
Tổng số SV không xếp loại vì chưa đủ điều kiện	: 0 SV	(0%)	

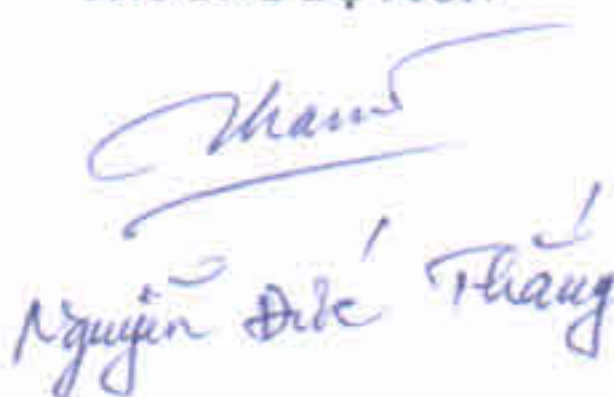
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 7 năm 2015

LƯU TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIÁO VIÊN GIẢNG DẠY

P.T.K.



Nguyễn Đức Thắng

Nguyễn Tiến Dương